

Số: /BC-UBND

Tam Đường, ngày tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 02, nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2020

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH THÁNG 02 NĂM 2020

Trong tháng, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chuẩn bị chu đáo các điều kiện tốt nhất cả về vật chất và tinh thần để nhân dân đón Tết Nguyên đán Canh Tý 2020; đặc biệt công tác an sinh xã hội, chăm lo tết cho các đối tượng chính sách, các gia đình, học sinh, bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm, các tầng lớp nhân dân đều vui vẻ, phấn khởi đón tết, an ninh trật tự trước, trong và sau tết ổn định, không có vụ việc đột xuất, bất ngờ xảy ra. Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút corona gây ra, UBND huyện đã chủ động, khẩn trương, quyết liệt triển khai các biện pháp ứng phó theo chỉ đạo của cấp trên và ngành y tế. Đồng thời, triển khai giải pháp chỉ đạo, điều hành phù hợp giảm thiểu thấp nhất tác động bất lợi của dịch bệnh đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Một số điểm nổi bật của tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong tháng 02/2020 như sau:

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; xây dựng nông thôn mới

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

a) Trồng trọt

- Lúa đông xuân: Chỉ đạo gieo cấy được 195 ha, lũy kế 690/733 ha, đạt 94,1% so KH¹, hiện nay tiếp tục chỉ đạo Nhân dân gieo cấy đảm bảo theo khung thời vụ và kế hoạch giao.

- Ngô đông xuân: Chỉ đạo gieo trồng 140 ha, lũy kế 483,8/467 ha, đạt 103,6% so KH (tăng 40,8 ha so cùng kỳ năm 2019).

- Cây chè: Tiếp tục chỉ đạo nhân dân chăm sóc diện tích chè trồng mới các năm trước; quản lý, thu hoạch diện tích chè kinh doanh 1.207/1.582,5 ha, sản lượng chè búp tươi trong tháng đạt 450 tấn.

¹ Do thiếu nước sản xuất, có 22,8 ha tại Thị trấn Tam Đường chuyển trồng ngô; 6 ha tại xã Sơn Bình chuyển sang trồng mía.

- Cây ăn quả: Tiếp tục chỉ đạo các xã đăng ký nhu cầu trồng mới cây ăn quả ôn đới năm 2020. Trong tháng, nhân dân đã thu hoạch 36 ha cam, lũy kế được 111/124,1 ha, năng suất trung bình 65 tạ/ha, sản lượng 721 tấn².

- Các loại cây trồng khác: Cây lạc thực hiện 68/287 ha, đạt 23,7% KH; Cây đậu tương thực hiện 14/72 ha, đạt 19,4% KH; Cây dong riềng thực hiện 22/72 ha, đạt 30,6% KH; Cây mía thực hiện 50/62 ha, đạt 80,6% KH; Cây rau màu thực hiện 21 ha, lũy kế 43/264 ha, đạt 16,3% KH; hiện nay tiếp tục chỉ đạo nhân dân gieo trồng đảm bảo diện tích, kế hoạch.

- Trên cây trồng xuất hiện một số đối tượng gây hại chính: rầy lưng trắng, ốc bươu vàng trên cây lúa; sâu keo mùa thu, rệp cờ trên cây ngô; nhện đỏ, rệp sáp, sâu đục cành trên cây cam. Đã chỉ đạo tổ chức phòng trừ được 1,5/12,7 ha, đạt 11,8% so diện tích bị nhiễm sâu bệnh (cây lúa 01/1,5 ha, cây ngô 0,5/0,5 ha, cây cam 0/10,7 ha), hiện nay tiếp tục chỉ đạo nhân dân phòng trừ theo quy định.

b) Chăn nuôi, thủy sản

- **Chăn nuôi:** Trong tháng, đàn gia súc, gia cầm ổn định, không có ổ dịch bệnh mới phát sinh (*12/12 xã đã công bố hết dịch tả lợn Châu Phi; điều trị khỏi 37/37 con trâu bị bệnh Lở mồm long móng tại xã Giang Ma*); tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, không để dịch tả lợn Châu Phi tái phát và dịch cúm gia cầm phát sinh; hướng dẫn nhân dân tái đàn lợn khi đảm bảo các điều kiện an toàn sinh học đối với con giống và chuồng trại chăn nuôi. Tăng cường kiểm soát vận chuyển, mua bán động vật, kiểm tra, kiểm soát giết mổ và đóng dấu thân thịt 200 con gia súc (lợn 150 con; trâu, bò, ngựa 50 con) tại chợ Trung tâm Thị trấn và chợ xã Bản Bo; thu phí KSGM 1.750.000 đồng.

- **Thủy sản:** Duy trì chăm sóc, kiểm tra dịch bệnh tại diện tích 215/215 ha nuôi trồng thủy sản, hiện nay các ao nuôi phát triển bình thường.

c) Lâm nghiệp: Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hiện Luật Lâm nghiệp và công tác PCCC³; chuẩn bị tốt các điều kiện tổng kết công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng năm 2019; chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ bàn giao diện tích giao khoán bảo vệ rừng về UBND các xã, thị trấn quản lý (theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh Lai Châu), nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng để chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2019 theo quy định. Trong tháng, xảy ra 01 vụ cháy thảm cỏ và rừng sản xuất tại bản Hua Săng, xã Bản Bo, thiệt hại khoảng 1,2 ha⁴ (*0,4 ha thảm cỏ; 0,8 ha rừng thông trồng năm 2014*); phát hiện và xử lý 01 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật⁵.

² Thu trung bình 13 kg quả/1 cây; mật độ 500 cây/ha.

³ Tuyên truyền tại 10 bản với 736 người tham dự; Tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng 442 lượt hộ gia đình; 01 trường học với 432 học sinh.

⁴ Phát hiện lúc 22 giờ 30 phút ngày 28/01/2020, UBND xã Bản Bo đã huy động các lực lượng dập tắt đám cháy lúc 01 giờ 00 ngày 29/01/2020.

⁵ Phạt tiền 10.000.000 đồng; tịch thu tang vật 16 kg động vật rừng (04 kg cây vòi mốc, 12 kg dùi mốc).

1.2. Công tác thủy lợi, nước sinh hoạt: Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt sử dụng các nguồn vốn năm 2019 theo quy định.

1.3. Công tác phòng chống thiên tai: Tiếp tục tuyên truyền, triển khai các biện pháp phòng, chống đói rét cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản vụ đông xuân 2019-2020.

1.4. Công tác xây dựng nông thôn mới: Chỉ đạo chuẩn bị tốt hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận xã Hồ Thầu đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định⁶. Đôn đốc các xã đăng ký các tiêu chí phấn đấu đạt năm 2020; hướng dẫn xã Khun Há, Thèn Sin đánh giá hiện trạng chi tiết các tiêu chí để xây dựng kế hoạch phấn đấu năm 2020 đạt chuẩn NTM.

1.5. Các mô hình, dự án nông nghiệp: Tăng cường kiểm tra, theo dõi, đánh giá hiệu quả các mô hình mới: Triển khai mô hình trồng cây ăn quả ôn đới theo chương trình NTM, kế hoạch 48,7 ha (42,4 ha lê + 6,3 ha mận); Chăm sóc, theo dõi mô hình trồng cây ăn quả ôn đới theo chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh đã thực hiện 15/15 ha, hiện nay cây sinh trưởng, phát triển bình thường; Theo dõi mô hình trồng thử nghiệm giống lúa HDT10, quy mô 01 ha tại Bình Lu, hiện nay cây đang trong giai đoạn 3 - 4 lá, phát triển bình thường; Mô hình trồng chanh leo đã trồng mới 4,57 ha (*Thị trấn Tam Đường 04 ha, Thèn Sin 0,57 ha*).

2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Giá trị sản xuất trong tháng theo giá hiện hành ước đạt 18.687,9 triệu đồng (*Công nghiệp khai thác mỏ 2.093,0 triệu đồng; Công nghiệp chế biến 13.596,1 triệu đồng; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước 2.998,8 triệu đồng*), đạt 8,33% KH.

3. Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Đội quản lý thị trường số 2 tăng cường kiểm tra, nhắc nhở, xử lý các cơ sở kinh doanh thiết bị y tế trên địa bàn, yêu cầu thực hiện đúng các quy định pháp luật về niêm yết giá bán, bán đúng giá, không lợi dụng tình hình dịch bệnh để trục lợi, gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch bệnh. Tổng giá trị sản xuất thương mại trong tháng ước đạt 22.102,09 triệu đồng (*Dịch vụ lưu trú, ăn uống doanh thu ước đạt 3.081,42 triệu đồng; Dịch vụ kinh doanh, bán lẻ hàng hóa doanh thu ước đạt 19.020,67 triệu đồng*), đạt 8,3% KH. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông; công tác phát hành báo chí, thông tin liên lạc luôn đảm bảo thông suốt kịp thời; trong tháng đã vận chuyển và phát tới tay độc giả 20.000 tờ/cuốn báo, tạp chí, doanh thu phát sinh đạt 610 triệu đồng (*đạt 60% KH giao quý I/2020*).

4. Tài chính; ngân hàng

⁶ Hội đồng thẩm định cấp tỉnh bỏ phiếu 22/22 phiếu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã Hồ Thầu đạt chuẩn NTM.

Chỉ đạo tổng hợp, rà soát, đối chiếu các nguồn NSNN năm 2019, đối chiếu số liệu thu, chi NSNN năm 2019 với Kho bạc Nhà nước; Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của các cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính theo quy định. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong tháng đạt 2.281 triệu đồng (*ngân sách huyện hưởng 2.174 triệu đồng*), trong đó: thu tiền sử dụng đất là 111 triệu đồng, thu cân đối loại trừ thu sử dụng đất 2.096 triệu đồng; Chi ngân sách địa phương 43.500 triệu đồng (*Chi đầu tư phát triển: 4.558 triệu đồng; Chi thường xuyên: 30.592 triệu đồng; Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 8.350 triệu đồng*).

Lũy kế huy động vốn của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện ước đạt 290.000 triệu đồng, tổng dư nợ ước đạt 415.000 triệu đồng; Ngân hàng CSXH huyện huy động vốn ước 326.791 triệu đồng, dư nợ ước đạt 326.488 triệu đồng.

5. Đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý quy hoạch: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn khảo sát, xây dựng giá vật liệu xây dựng trên địa bàn, báo cáo Sở Tài chính, Sở Xây dựng đề lập thông báo giá hàng tháng. Tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư năm 2020 tính đến ngày 10/02/2020 là 28.082/95.375 triệu đồng đạt 29% kế hoạch vốn (Nguồn tỉnh quản lý: 23.524 triệu đồng, đạt 61% tổng vốn; Nguồn huyện quản lý: 4.558 triệu đồng, đạt 8% tổng vốn).

6. Quản lý tài nguyên, môi trường và khoáng sản: Chỉ đạo công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Tam Đường theo đúng quy định. Quyết định cấp mới 13 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 21.489,2 m² cho các cá nhân, hộ gia đình. Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, môi trường trên địa bàn; thành lập Tổ kiểm tra liên ngành kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường và các quy định khác trên địa bàn xã Khun Há.

II. VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục và Đào tạo: Trong tháng, Ngành giáo dục đã tổ chức hội thao cấp huyện năm học 2019-2020; Giao lưu Toán, Tiếng Việt lớp 4, 5 cấp huyện; giao lưu học sinh năng khiếu trường Tiểu học Thị trấn năm học 2019-2020; Thành lập đội tuyển, bồi dưỡng cho học sinh tham gia thi học sinh cấp tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh các trường đã bố trí cho học sinh tiếp tục nghỉ học sau kỳ nghỉ tết Nguyên đán tới ngày 16/02/2020 để phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona. Tập trung triển khai thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, khử trùng các trường, lớp học, chuẩn bị cơ sở vật chất để đón học sinh đến trường sau khi có chỉ đạo của cấp trên.

2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; Dân số - KHHGD

Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona theo đúng quy định

và hướng dẫn của Chính phủ, tỉnh và ngành y tế⁷; sử dụng 1,5 tỷ đồng nguồn ngân sách dự phòng của huyện và các nguồn kinh phí khác chuẩn bị các điều kiện, trang thiết bị ứng phó với các cấp độ diễn biến dịch bệnh, không để bị động, bất ngờ. Đến nay, trên địa bàn huyện chưa phát hiện ca dương tính với vi rút nCoV. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện duy trì công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, tổ chức khám, chữa bệnh cho 8.380 lượt người (*điều trị nội trú 542 bệnh nhân, điều trị ngoại trú, kê đơn 4.826 bệnh nhân*), trong tháng không có dịch bệnh lớn xảy ra. Tiếp tục điều trị thuốc ARV cho 134 bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS và điều trị thay thế nghiện các dạng thuốc phiện bằng Methadone cho 138 bệnh nhân. Công tác tuyên truyền, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường⁸, không để xảy ra ca, vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

Tiếp tục truyền thông, vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số KHHGD, Luật Hôn nhân và gia đình⁹; Trong tháng, có 18 trường hợp sinh con thứ 3 trở lên (tăng 13 trường hợp so tháng 01/2020, 02 trường hợp là đảng viên, công chức); 02 trường hợp tảo hôn (tăng 01 trường hợp so tháng 01/2020).

3. Lĩnh vực Văn hoá, Thể thao; Thông tin, Truyền thanh, Truyền hình; Phát triển Du lịch

Chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mừng Đảng mừng xuân Canh Tý 2020 tạo không khí vui tươi, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước trong các tầng lớp nhân dân. Chỉ đạo Tổ tư vấn tổ chức phân công nhiệm vụ, xây dựng lộ trình đặt tên đường và các công trình công cộng trên địa bàn huyện. Hệ thống truyền thanh, truyền hình phản ánh kịp thời các sự kiện chính trị, kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh¹⁰; Đồng thời, bám sát diễn biến tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra, thường xuyên tuyên truyền về mức độ nguy hiểm, các biện pháp phòng, chống

⁷ Đến nay, đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch (Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 - Quyết định 88/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban). Đồng thời: ban hành Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo phòng (Quyết định 149/QĐ-BCĐ); thành lập tổ kiểm tra công tác phòng, chống dịch (Quyết định 150/QĐ-BCĐ); ban hành kế hoạch kiểm tra (Kế hoạch 151/KH-BCĐ); ban hành kế hoạch phòng, chống dịch do nCoV huyện Tam Đường (Kế hoạch số 111/KH-BCĐ). Ban hành 06 Công văn chỉ đạo triển khai các biện pháp tuyên truyền, tổ chức phòng, chống dịch: Công văn số 67/UBND-TTYT ngày 24/01/2020; Công văn số 68/UBND-VP ngày 28/01/2020; Công văn số 70/UBND-VP ngày 31/01/2020; Công văn số 80/UBND-VHTT ngày 31/01/2020; Công văn số 83/UBND-VP ngày 04/02/2020; Công văn số 96/UBND-TTYT ngày 08/02/2020. Tổ kiểm tra phòng chống dịch huyện đã kiểm tra tại 07 xã, thị trấn (Sơn Bình, Khun Há, Bình Lư, Hồ Thầu, Thị trấn Tam Đường, Tả Lèng và Thèn Sin). Phối hợp với Thành viên BCĐ tỉnh kiểm tra 10/14 xã (Bình Lư, Sơn Bình, Khun Há, Hồ Thầu, Giang Ma, Tả Lèng, Thèn Sin, Bản Giang, Nùng Nàng, Sùng Phài). Qua kiểm tra, các xã, thị trấn đã triển khai đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch theo quy định và hướng dẫn của ngành y tế.

⁸ Tổ chức kiểm tra 161 cơ sở kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện, kết quả kiểm tra phát hiện 03 cơ sở có vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, đã xử lý hành chính phạt tiền mỗi cơ sở 750.000 đồng (*Nguyễn Văn Mạnh: kinh doanh thực phẩm Chợ Trung tâm Thị trấn Tam Đường; Phạm Văn Tùng: kinh doanh, sản xuất bánh từ bột mỳ, tại bán Trung tâm, thị trấn Tam Đường; Nguyễn Đình Dương: kinh doanh, sản xuất bánh từ bột mỳ, tại bán Mường cầu, thị trấn Tam Đường; đều có lỗi vi phạm để thực phẩm hỏng, mốc.*

⁹ Truyền thông tại bàn 52 buổi với 1.530 người tham dự; tư vấn tại hộ gia đình 233 lượt.

¹⁰ Sản xuất và phát sóng 10 chương trình truyền hình và 30 chương trình phát thanh, truyền dẫn phát sóng 1.767 giờ truyền hình, 589 giờ FM.

dịch bệnh để nhân dân biết cách phòng chống, không hoang mang trước tình hình dịch bệnh.

Kịp thời chỉ đạo tạm dừng việc tổ chức các lễ hội trong dịp đầu xuân (Lễ hội Động Tiên Sơn năm 2020); tăng cường hướng dẫn, quản lý du khách thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Lĩnh vực du lịch bị ảnh hưởng lớn bởi tình hình dịch bệnh, trong tháng lượng khách du lịch đến huyện ước đạt 22.808 lượt khách¹¹ (Bằng 66% so với cùng kỳ năm 2019), doanh thu từ du lịch ước đạt 8,58 tỷ đồng (Bằng 63% so với cùng kỳ năm 2019).

4. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm; Thực hiện giảm nghèo và an sinh xã hội

Duy trì công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho 450 lao động tại các xã: Bản Giang, Bản Hòn, Khun Há về cơ hội học tập và làm việc tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Tổ chức rà soát đối tượng đào tạo nghề và các nghề thủ công để chuẩn bị thực hiện kế hoạch đào tạo nghề năm 2020.

Các chính sách an sinh xã hội, người có công, gia đình chính sách được quan tâm thực hiện, trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 đã hỗ trợ 154 hộ, 575 khẩu nghèo không có khả năng ăn tết, kinh phí 115 triệu đồng; thăm, tặng quà cho 81 bệnh nhân nằm viện, kinh phí 8,1 triệu đồng; Tặng quà các gia đình chính sách 333 suất, kinh phí 232,9 triệu đồng¹²; phối hợp với các tổ chức, cá nhân hảo tâm tặng 5.220 suất quà cho hộ nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng số tiền 1.837,391 triệu đồng (Tiền mặt 1.140,7 triệu đồng, tiền quà 696,691 triệu đồng), đảm bảo mọi gia đình đều có tết đầm ấm, vui tươi. Tổng số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 55.785 người (BHYT: 55.785 người chiếm 97% dân số); thu trong tháng 5.870 triệu đồng; chi BHXH 3.834 triệu đồng.

5. Công tác dân tộc - Tôn giáo: Công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tổ chức rà soát, đăng ký nhu cầu thăm quan, tập huấn cho người uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg trên địa bàn năm 2020. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo¹³; đồng bào có niềm tin tôn giáo luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, yên tâm sản xuất, ổn định cuộc sống.

6. Công tác xây dựng chính quyền và cải cách hành chính: Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa

¹¹ Khách quốc tế đạt 570 lượt người, khách nội địa 22.238 lượt.

¹² Quà Chủ tịch nước 114 suất. Quà tỉnh 77 suất. Quà huyện 129 suất. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 03 suất. Hội liên hiệp Phụ nữ huyện 10 suất.

¹³ Danh sách thống kê 10 chức sắc, chức việc tiêu biểu có uy tín thuộc các tổ chức tôn giáo Tin lành. Công giáo trên địa bàn huyện; tăng cường công tác QLNN đối với Phật giáo; tăng cường công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo trong dịp tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020; triển khai thực hiện công tác đối với đạo "Bà cô Dợ".

bàn; kịp thời giải quyết các chế độ, chính sách cho cán bộ, CCVC¹⁴. Ban hành Kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng năm 2020; khen thưởng đột xuất cho 08 tập thể và 21 cá nhân. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC huyện và thẩm định kết quả tự đánh giá của UBND các xã, thị trấn theo đúng quy định.

III. QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự huyện tham mưu xây dựng các văn bản, kế hoạch triển khai công tác quân sự - quốc phòng địa phương năm 2020 theo quy định. Tiếp nhận 105 công dân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương, chuẩn bị tốt các điều kiện và tổ chức thành công Lễ giao nhận quân năm 2020 (137 công dân nhập ngũ: 110 quân sự, 27 công an, đạt 100% kế hoạch).

2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tình hình ANCT ổn định, TTATXH cơ bản đảm bảo, không có vụ việc đột xuất, bất ngờ xảy ra. Tiếp tục tăng cường lực lượng hướng tới cơ sở, bố trí, điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã Tả Lèng (03 đồng chí). Tăng cường công tác quản lý người nước ngoài đến địa bàn, các trường hợp công dân làm việc tại Trung Quốc trở về địa bàn trong dịp Tết Nguyên đán¹⁵. Làm tốt công tác dân vận, nổi bật hình ảnh chiến sỹ công an nhân dân tham gia tuyên truyền phòng chống dịch bệnh cho nhân dân (Tổ chức cấp phát miễn phí trên 2.000 chiếc khẩu trang cho nhân dân trên địa bàn).

Tập trung điều tra làm rõ các vụ việc về hình sự, ma túy đã xảy ra: đồng loạt ra quân tấn công trấn áp tội phạm bảo đảm ANTT không để xảy ra tình hình phức tạp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Canh Tý 2020¹⁶. Tiếp tục thực hiện công tác tuần tra kiểm soát, đảm bảo an toàn giao thông, phát hiện, lập biên bản 27 trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ, xử phạt vi phạm hành chính 13

¹⁴ Quyết định: Giải quyết chế độ thôi việc 02 người; nghỉ hưu 02 người; giao biên chế năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị; biệt phái 03 viên chức đến công tác tại phòng NN&PTNT. Nhất trí cho 02 viên chức đi liên hệ chuyên vùng công tác; tiếp nhận 01 viên chức về công tác tại phòng GD&ĐT huyện. Chính quyền cơ sở: Xếp mức phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ, công chức cấp xã 02 người; nâng lương thường xuyên và chuyển mã ngạch đối với công chức cấp xã 02 người; Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch UBND thị trấn 01 người; nghỉ hưu đối với cán bộ xã 01 người; cho thôi hưởng lương đối với cán bộ xã 01 người; điều động công chức cấp xã 02 người. Thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch trong việc tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển.

¹⁵ Ghi nhận 45 lượt người với 09 quốc tịch đến làm việc, thăm quan du lịch, thăm thân (24 người Trung Quốc); chưa ghi nhận hoạt động liên quan đến ANQG.

¹⁶ **Lĩnh vực TTXH:** Xảy ra 03 vụ đánh nhau gây thương tích (02 vụ tại xã Ban Hôn, 01 vụ tại xã Thèn Sin)¹⁶, hậu quả: 04 người bị thương; 01 vụ chết người gồm 02 cháu là: Giảng Thị Pảng SN 2011 và Giảng Thị Sua SN 2014 (02 chị em ruột), trú tại Phìn Chải, xã Giang Ma (nghỉ bị sặc mì tôm), hiện đang đợi kết quả giám định, xác định nguyên nhân. **Lĩnh vực PCMT:** Công an huyện phát hiện, bắt quả tang 01 vụ = 02 đối tượng (Lò Văn Đồi - sinh năm: 2000, trú tại bản Nà Hiêng, xã Nà Tăm, huyện Tam Đường và Lò Văn Tuấn - sinh năm: 2000, trú tại bản Nà Cại, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên) về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng thu giữ 0,16 gam heroin. **Lĩnh vực KT - MT:** Phát hiện, yêu cầu hoàn thổ 170 bao (khoảng 07 tấn) quặng đất hiếm tại bản Đông Pao 2, xã Ban Hôn.

trường hợp (số tiền 11.976.000 đồng). Trong tháng xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông, hậu quả: 05 người bị thương và 03 xe mô tô hư hỏng¹⁷.

IV. THANH TRA, TƯ PHÁP

1. Công tác Thanh tra: Tiếp tục phối hợp thực hiện 01 cuộc thanh tra việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư y tế, đấu thầu thuốc chữa bệnh theo Quyết định số 77/QĐ-TTr ngày 09/10/2019 của Chánh thanh tra tỉnh Lai châu. Tổ chức tiếp 05 lượt = 05 người = 05 vụ việc, đã giải quyết 05 vụ việc (Trụ sở tiếp công dân huyện tiếp 03 lượt = 03 người = 03 vụ việc; các xã, thị trấn tiếp 02 lượt = 02 người = 02 vụ việc). Tiếp nhận xử lý 02 đơn bằng 02 vụ việc kiến nghị, phản ánh (*đủ điều kiện giải quyết 02 đơn*); Tổng số đơn phải giải quyết 20 đơn (*02 đơn trong kỳ, 18 đơn kỳ trước chuyển sang*), đã giải quyết xong 02 đơn, đang giải quyết trong thời hạn 18 đơn (*trong kỳ 06 đơn, kỳ trước chuyển sang 12 đơn*).

2. Công tác Tư pháp: Chỉ đạo công bố 4 văn bản quy phạm pháp luật do UBND huyện ban hành hết hiệu lực năm 2019 theo quy định. Tiếp tục thực hiện tuyên truyền những văn bản mới, văn bản liên quan trực tiếp đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân: Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật vệ sinh an toàn thực phẩm; Luật giao thông đường bộ... tại các xã, thị trấn được 94 buổi với 5.386 lượt người tham gia học tập. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác hộ tịch, chứng thực tư pháp; áp dụng phần mềm chứng thực các hợp đồng giao dịch theo hướng dẫn của UBND tỉnh đảm bảo thông suốt, kịp thời. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính và chế độ thống kê, báo cáo theo quy định; Tổ chức hòa giải thành 01/02 vụ.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật

Lĩnh vực nông nghiệp đã khống chế dịch tả lợn Châu Phi, công bố hết dịch tại 12/12 xã, thị trấn; điều trị hiệu quả 37/37 trường hợp gia súc bị bệnh Lở mồm long móng. Sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tiến độ giải ngân nguồn vốn xây dựng cơ bản tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước. Công tác quản lý vốn đầu tư công được thực hiện theo đúng quy định, thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng thi công các công trình.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được duy trì, triển khai kịp thời, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút corona, trong tháng không có dịch bệnh lớn, ca vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra. Các hoạt động tuyên truyền, phản ánh tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, tình hình phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, phát huy hiệu quả tích cực. Các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo, thực hiện tốt việc thăm hỏi, tri

¹⁷ Tự ngã 01 vụ tại Bản Bo, 02 người bị thương; va chạm 01 vụ tại xã Hồ Thầu (ngày mùng 01 Tết), 03 người bị thương.

ân các đối tượng chính sách, gia đình có công, huy động tốt các nguồn lực chung tay hỗ trợ động viên các cá nhân, hộ gia đình gặp khó khăn dịp Tết Nguyên đán 2020. Công tác thanh tra, tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Công tác Quốc phòng - An ninh được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; các lực lượng vũ trang luôn phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong các tình huống, thực hiện hiệu quả công tác quản lý, nắm chắc tình hình liên quan phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn.

2. Tồn tại, hạn chế: Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng có nơi còn hạn chế, còn xảy ra 01 vụ cháy rừng tại xã Bản Bo; Còn xảy ra vi phạm trong quản lý, bảo vệ tài nguyên đất hiếm tại xã Bản Hòn; xảy ra 02 vụ va chạm, tai nạn giao thông làm 05 người bị thương, hư hỏng 03 mô tô. Các trường hợp sinh con thứ 3 có chiều hướng gia tăng, trong đó có cả trường hợp là cán bộ, đảng viên (*18 trường hợp sinh con thứ 3 trở lên, 02 trường hợp là cán bộ, đảng viên*).

3. Nguyên nhân: Công tác tuyên truyền nhân dân thực hiện các quy định pháp luật, quy định quản lý tài nguyên khoáng sản, PCCC có nơi còn hạn chế. Công tác phối hợp, lãnh đạo, chỉ đạo, nắm tình hình ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự sâu sát, quyết liệt. Ý thức, trách nhiệm nêu gương của một số cán bộ, đảng viên trong thực hiện các chính sách về DS - KHHGD còn hạn chế. Tình hình tai nạn, va chạm giao thông vẫn còn xảy ra do trên địa bàn có tuyến quốc lộ với lưu lượng người và phương tiện tham gia giao thông thường xuyên, nhiều đoạn đường địa hình phức tạp, thường xảy ra tai nạn giao thông.

Phần II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 03 NĂM 2020

1. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona; huy động các nguồn lực, chuẩn bị đầy đủ về nhân lực, chuyên môn, cơ sở vật chất để kịp thời ứng phó với các tình huống dịch bệnh, không để bị động, bất ngờ. Thực hiện nghiêm các quy trình đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh tại các trường học; tích cực vận động duy trì sĩ số học sinh, tỷ lệ chuyên cần sau khi học sinh tiếp tục đến trường (dự kiến ngày 17/02/2020); Tổ chức tốt “Ngày hội viết chữ đẹp” cấp huyện, giao lưu “Bé tài năng” cho trẻ mầm non cấp huyện năm học 2019-2020. Duy trì tốt công tác khám chữa bệnh, đảm bảo thường trực cấp cứu tai nạn, thương tích 24/24; tăng cường kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tuyên truyền chính sách DS -KHHGD.

2. Chỉ đạo tăng cường công tác chăm sóc và giám sát đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ diễn biến các đối tượng dịch hại trên cây trồng vụ đông xuân (lúa, ngô), tăng cường chăm sóc, theo dõi, phòng trừ sâu bệnh trên cây cam, chè, cây ăn quả

ôn đới...; Chuẩn bị các điều kiện gieo trồng ngô vụ xuân hè, trồng chè theo kế hoạch; thực hiện tốt công tác phòng, chống hạn cho các cây trồng vụ đông xuân. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, vận chuyển động vật, đặc biệt là động vật hoang dã; kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh động vật, không để tái phát Dịch tả lợn Châu Phi, LMLM, phát sinh dịch cúm gia cầm... đồng thời hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện các biện pháp tái đàn lợn đảm bảo tốc độ tăng trưởng đàn gia súc theo kế hoạch. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, hướng dẫn cho nhân dân thực hiện tốt Luật Lâm nghiệp, công tác PCCC, tăng cường kiểm tra chất lượng trồng rừng, KNTS, bảo vệ rừng. Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng NTM năm 2020; yêu cầu các xã tập trung rà soát, xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể trách nhiệm của các thành viên trong tổ chức thực hiện.

3. Tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2019, thẩm tra quyết toán đối với các đơn vị dự toán và UBND các xã, thị trấn; tiếp tục thẩm định và lựa chọn nhà thầu của các chủ đầu tư. Thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tăng cường phối hợp quản lý sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng trên địa bàn huyện. Đẩy nhanh tiến độ cấp GCNQSD đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; tổ chức triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ sử dụng đất huyện Tam Đường đảm bảo tiến độ, kế hoạch. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm về khai thác khoáng sản trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chất lượng các công trình sau đầu tư (Công trình giao thông nông thôn, thủy lợi, NSH...).

4. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, phối hợp với Công ty TNHH Babeeni VN - Chi nhánh Hải Dương tổ chức sản xuất cho các học viên tại địa phương. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona, không để xảy ra tâm lý chủ quan khi dịch bệnh kéo dài cũng không hoang mang, lo sợ gây mất ổn định xã hội. Tiếp tục chỉnh trang, đầu tư mới các điểm du lịch trên địa bàn (Đặc biệt điểm du lịch Đồi thông Tả Lèng); Làm tốt công tác quản lý du khách, tiêu độc khử trùng tại các điểm, khu du lịch theo quy định.

5. Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước năm 2020. Ban hành Kế hoạch công tác thi đua năm 2020, Chỉ thị phân đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng - An ninh năm 2020. Làm tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn.

6. Duy trì tốt chế độ trực SSCĐ, chế độ thông tin, báo cáo, tổ chức tuần tra canh gác, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục triển khai thực hiện đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm trước, trong và sau Tết Nguyên năm 2020, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện đợt cao điểm. Tăng cường quản lý nhân hộ khẩu tại cơ sở, quản lý người nước ngoài đến địa bàn; Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đảm bảo ANTT trên địa bàn tỉnh Lai Châu; kế hoạch chuyển hóa địa bàn phức tạp về ANTT.

7. Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng và phổ biến pháp luật của Nhà nước. Tăng cường lãnh đạo đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo làm tốt công tác giải quyết các đơn thư mới phát sinh và các đơn thư còn tồn đọng. Triển khai các cuộc thanh tra theo kế hoạch; Đôn đốc các đơn vị tiếp tục thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra; các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Thực hiện tốt công tác vận động quần chúng Nhân dân giữ gìn và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân.

Trên đây Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 02, nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Trang Trọng

Biểu số 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2019
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02/2020			So sánh (%)		Ghi chú
				Tháng 02/2019	Ước thực hiện tháng 02 năm 2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 2 năm 2020/TH tháng 2 năm 2019	Ước TH tháng 1 năm 2020/KH 2019	
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.728,4						
	Thu nhập bình quân đầu người	Tr. Đồng	30						
2	Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực	ha	9.705	310,0	335,0	1.174	108,06	3,5	
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	43.200						
	Bình quân lương thực đầu người/năm	kg	736						
3	Diện tích cây chè	Ha	1.762,50	1.423,90	1.582,50	1.582,50	111,14	89,8	
	Trong đó: Trồng mới	Ha	180	-					
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	47,00						
5	Tỷ lệ bản có đường tới bản được cứng hóa, đi lại thuận tiện 4 mùa	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
6	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	33,2	13,059	2,283	2,758	17,5	39,3	
7	Văn hóa								
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	87,5	83,9	84,5	84,5	100,7	96,6	
	- Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	80,5	74,4	83,4	83,4	112,1	103,6	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	100,0	95,4	96,9	96,9	101,6	96,9	
8	Giáo dục								
	- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học	xã, thị trấn	14	14	14	14	100,0	100,0	
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia (lũy kế)	trường	20	21	21	21	100,0	105,0	
	Trong đó: công nhận mới	trường		-		-			
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	50,0	45,7	50,0	50,0	109,4	91,4	
	Trong đó: + Cấp mầm non	%	46,2	35,7	43,0	43,0	120,4	77,3	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02/2020			So sánh (%)		Ghi chú
				Tháng 02/2019	Ước thực hiện tháng 02 năm 2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 2 năm 2020/TH tháng 2 năm 2019	Ước TH tháng 1 năm 2020/KH 2019	
	+ Cấp Tiểu học	%	75,0	80,0	80,0	80,0	100,0	106,7	
	+ Cấp Trung học cơ sở	%	30,8	28,6	28,6	28,6	100,0	92,9	
	+ Cấp Trung học phổ thông	%	50					0	
9	Y tế								
	- Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	14	13	14	14	107,7	100,00	
	- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,0	92,9	100,0	100,0	107,7	100,00	
	- Số bác sỹ/vận dân	bác sỹ	5,00	4,80	5,00	5,00	104,2	100,00	
10	Tỷ lệ giảm sinh bình quân	‰	0,7			0,7		-	
11	Hạ tầng điện, cấp nước								
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,7	97,0	99,0	97,0	102,1	97,3	
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,0	97,0	98,7	97,0	101,8	97,0	
	- Tỷ lệ dân số thị trấn được sử dụng nước sạch	%	73,2	71,0	72,9	71,0	102,7	97,0	
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50,0						
	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	1.030						
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4,20						Cuối năm
13	Xếp loại chính quyền cơ sở								
	Tỷ lệ xã , thị trấn xếp loại tốt	%	57,1						Cuối năm
	Tỷ lệ xã , thị trấn xếp loại khá	%	42,9						Cuối năm

BIỂU TỔNG HỢP

Tiến độ thực hiện sản xuất Nông - Lâm - Nghiệp tháng 2 năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-NN&PTNT ngày tháng năm 2020 của Phòng NN&PTNT)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 2 năm 2019	Năm 2020			So sánh %		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện tháng 2	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước tháng báo cáo/TH tháng báo cáo của năm trước	Ước tháng báo cáo/Kế hoạch năm báo cáo	
A	B	C	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 3/2	
A	NÔNG NGHIỆP								
I	TRỒNG TRỌT								
1	DT gieo trồng cây lương thực	ha	310	9.705	335	1.174	108,1	3,5	
-	Tổng diện tích lúa	ha	180	5.050	195	690	108,3	3,9	
-	Tổng diện tích ngô	ha	130	4.655	140	484	107,7	3,0	
-	Năng xuất lúa bình quân	ha		52,2					
-	Năng xuất ngô bình quân	ha		36,13					
2	Một số cây trồng chính								
2.1	Cây lương thực								
a	Lúa cả năm: + Diện tích	ha	180,0	5.050,0	195,0	690,0	108,3	3,9	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	5.050,0	-	-		0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha		52,2				0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	26.383,0	-	-		0,0	
+	Lúa đông xuân: + Diện tích	ha	180,0	733	195	690,0	108,3	26,6	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	733	-			0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	53,50	-			0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	3.924,0	-			0,0	
+	Lúa mùa: + Diện tích	ha	-	4.317	-	-		0,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	4.317	-	-		0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	52,0	-	-		0,0	

-	Sản Lượng	Tấn	-	22.459,0	-	-	-	0,0	
b	Ngô cả năm: Diện tích	ha	130,0	4.655,0	140,0	483,8	107,7	3,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	4.655,0	-	-	-	0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	36,1	-	-	-	0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	16.817,0	-	-	-	0,0	
+	Ngô đông xuân: Diện tích	ha	130,0	467	140	483,8	107,7	30,0	6 ha tại Sơn Bình chuyển trồng Mía
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	467	-	-	-	0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	37,00	-	-	-	0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	1.729	-	-	-	0,0	
+	Ngô xuân hè: Diện tích	ha	-	2.623	-	-	-	0,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	2.623	-	-	-	0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	38,08	-	-	-	0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	9.988	-	-	-	0,0	
+	Ngô thu đông: Diện tích	ha	-	1.440	-	-	-	0,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	1.440	-	-	-	0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	32,64	-	-	-	0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	4.700	-	-	-	0,0	
+	Ngô đông: Diện tích	ha	-	125	-	-	-	0,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	125	-	-	-	0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	32,00	-	-	-	0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	400	-	-	-	0,0	
2.2	Cây mầu: Diện tích	Ha	21,00	264	21,00	43,0	100,0	8,0	
-	Sản lượng	Tấn	67	832,0	67	138	100,0	8,1	
2.3	Cây công nghiệp hàng năm								
a	Cây lạc: Diện tích	ha	50,0	287,0	68,0	68,0	136,0	23,7	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	13,6	-	-	-	0,0	
-	Sản lượng	Tấn	-	390	-	-	-	0,0	
b	Cây Đậu tương: Diện tích	ha	5,0	72,0	14,0	14,0	280,0	19,4	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	14,00	-	-	-	0,0	

-	Sản lượng	Tấn	-	101,0	-	-		0,0	
c	Dong diềng: Diện tích	ha	20,0	72,0	22,0	22,0	110,0	30,6	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	595	-	-		0,0	
-	Sản lượng	Tấn	-	4.281,0	-	-		0,0	
d	Cây mía: Diện tích	ha	45,0	62,0	50,0	50,0	111,1	80,6	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	496,8	-	-		0,0	
-	Sản lượng	Tấn	-	3.080,0	-	-		0,0	
2.3	Cây công nghiệp dài ngày								
-	Tổng diện tích cây chè	ha	1.423,9	1.762,5	1.582,5	1.582,5	111,1	89,8	
	Trong đó: Trồng mới	ha	-	180,0	-	-		0,0	
+	Diện tích kiến thiết cơ bản	ha	326,9	375,5	375,5	375,5	114,9	100,0	
+	Diện tích kinh doanh	ha	1.097,0	1.207,0	1.207,0	1.207,0	110,0	100,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	80,0	-	-		0,0	
-	Sản lượng	tấn	400,0	9.656,0	450,0	450,0	112,5	4,7	
-	Tổng diện tích cây thảo quả	ha	1.531,0	1.531,0	1.531,0	1.531,0	100,0	100,0	Lũy kế
+	Diện tích chăm sóc		645,6	254,2	254,2	254,2	39,4	100,0	
+	Diện tích cho thu hoạch	ha	885	1.276,8	1.276,8	1.276,8	144,2	100,0	
-	Sản lượng	tấn	-	307,0	-	-		0,0	
-	Tổng diện tích cây ăn quả		564,7	618,3	603,3	603,3	106,8	97,6	Lũy kế
	Trong đó: + Trồng mới	ha	-	15	-	-		0,0	
+	Diện tích chăm sóc	ha	327,7	246,7	246,7	246,7	75,3	100,0	
+	Diện tích cho thu hoạch	ha	237,0	356,6	356,6	356,6	150,5	100,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	9,7	48,9	6,5	20,2	67,3	13,4	
-	Sản lượng	tấn	230	1.742	233	721	101,3	13,4	
II	CHĂN NUÔI								
1	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%		6,0					
2	Chăn nuôi gia súc, gia cầm								
*	Tổng đàn gia súc	Con	41.898	44.690	35.548	35.548	84,8	79,5	
-	Đàn trâu	Con	13.000	13.150	13.100	13.100	100,8	99,6	

-	Đàn bò	Con	720,0	720,0	720,0	720,0	100,0	100,0	
-	Đàn lợn	Con	28.178	30.820	21.728	21.728	77,1	70,5	
*	Tổng đàn gia cầm	Con	215.000	230.000	219.500	219.500	102,1	95,4	
III	THUỠ SẢN								
1	Diện tích	Ha	212,8	215,0	215,0	215,0	101,0	100,0	
2	Sản lượng	Tấn	60,0	780,0	60,0	124,0	100,0	7,7	
	Trong đó:								
-	Cá ao hồ: + Diện tích	ha	210,80	213,03	213,03	213,03	101,1	100,0	
	+ Sản lượng	tấn	50,0	640,0	50,0	103,00	100,0	7,8	
-	Cá nước lạnh: + Diện tích	ha	1,97	1,97	1,97	1,97	100,0	100,0	
	+ Sản lượng	tấn	10	140,0	10,00	21,00	100,0	7,1	
-	Số cơ sở nuôi cá nước lạnh	cơ sở	6	7	7	7,00	116,7	100,0	
IV	LÂM NGHIỆP								
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	46,6	47,0	47	47,00	100,9	100,0	
2	Tổng DT rừng hiện có	Ha	30.939,0	32.287,0	31.167,8	31.167,8	100,7	96,5	
	Trong đó:	Ha							
a	Rừng tự nhiên	Ha	29216	30.186,0	29.718	29.718	101,7	98,4	
b	Rừng trồng	Ha	1723	2.101,0	1.450	1.450	84,1	69,0	
3	Cây mắc ca	ha	486,1	486	-	486	-	0,0	
	Trong đó: + Trồng mới		0	-	-	-			
4	Khoán bảo vệ rừng	Ha	29.714	32.172,6	32.292	32.292	108,7	100,4	
5	Khoanh nuôi rừng tái sinh	Ha	4.434,2	2.350	2.530	2.530	57,1	107,7	
B	PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN								
1	Xây dựng nông thôn mới								Lũy kế
-	Thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	xã	13	13	13	13	100,0	100,0	
+	Số xã đạt 19 tiêu chí	xã	5	8	6	6	120,0	75,0	
+	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	1	-	1	1	100,0		
+	Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí	xã	7	5	6	6	85,7	120,0	
+	Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí	xã	-	-	-	-			

-	Bình quân tiêu chí trên xã	TC/xã	14,5	16,0	15,08	15,08	104,3	94,3	
2	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt								
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98,5	100	98,7	98,7	100,2	98,7	Lũy kế
-	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,2	98,7	98,5	98,5	100,3	99,8	

Biểu số 03

CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN TRONG THÁNG BÁO CÁO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02					Ghi chú
				Năm trước (2019)	Năm báo cáo (2020)		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy kế 02 tháng	Năm trước	Kế hoạch năm	
I	Ngành công nghiệp								
1	Phân theo thành phần kinh tế	Tr. đồng							
	- Quốc doanh Trung ương	Tr. đồng							
	- Quốc doanh địa phương	Tr. đồng							
	- Công nghiệp ngoài quốc doanh	Tr. đồng	224.254,8	13.486,0	18.687,9	36.577,9	138,6	8,33	
	- Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tr. đồng							
2	Phân theo ngành công nghiệp	Tr. đồng	224.254,8	13.486,0	17.890,0	17.890,0	132,7	7,98	
	CN khai khoáng	"	25.116,0	2.298,6	2.093	4.092	91,06	8,33	
	CN chế biến, chế tạo	"	163.153,2	10.465,3	13.596	26.798	129,92	8,33	
	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước	"	35.985,6	722,1	2.998,8	5.689,0	415,28	8,33	
II	Sản phẩm chủ yếu								
1	Điện phát ra	1000kw	33.245,3	744	2.770	5.460	372,19	8,33	
2	Cát xây dựng tận thu	M ³	35.000,0	4.278	2.917	3.292	68,17	8,33	
3	Đá xây dựng	M ³	102.000	7.037	8.500	11.833	120,79	8,33	
4	Nông cụ cầm tay	1000 cái	173,4	17,1	14,5	29,0	84,57	8,33	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02				Ghi chú	
				Năm trước (2019)	Năm báo cáo (2020)		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy kế 02 tháng	Năm trước		Kế hoạch năm
5	Gỗ xẻ	M ³	459,0	38,9	38,3	76,0	98,37	8,33	
6	Gỗ đồ mộc	M ³	198,9	17,2	16,6	33,0	96,56	8,34	
7	Gạch đất nung	Tr. Viên	18,4	1,3	1,5	3,0	113,61	8,33	
8	Gạch không nung	Tr. Viên	2,1	0,24	0,18	0,18	74,26	8,57	
9	Nước máy	M ³	305,3	23	25	50	110,41	8,33	
10	Chè chế biến	Tấn	2.197,0	46,9	183,1	240,0	390,64	8,33	
11	Sản phẩm may mặc	Cái	45.900,0	4.659	3.825	7.575	82,10	8,33	
12	Quặng các loại	Tấn							
13	Bánh đa, bún khô	Kg	15.300,0	1.722	1.275	2.525	74,03	8,33	
14	Miến dong	Kg	71.400,0	6.081	5.950	11.783	97,85	8,33	
16	Trang in	Tr.trang	2,6	0,320	0,210	0,210	65,62	8,24	
17	Say sát gạo	Tấn	35.700,0	3.100	2.975	5.892	95,97	8,33	
18	Các sản phẩm khác	Tr. đồng	12.000,0	1.375	1.000	2.000	72,75	8,33	
II	Ngành thương mại								
	Giá trị sản xuất thương mại	Tr. đồng	265.225	19.884	22.102,1	21.571,7	111,2	8,3	
	Trong đó:								
	- Thương mại (bán lẻ hàng hóa)	Tr. đồng	228.248,0	18.485,2	19.020,7	37.599,0	102,90	8,33	
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tr. đồng	36.977,0	1.399	3.081,4	6.075,0	220,26	8,33	
	- Công trình chợ	C.Trình	3,0	3	3	3	100,00	100,00	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02					Ghi chú
				Năm trước (2019)	Năm báo cáo (2020)		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy kế 02 tháng	Năm trước	Kế hoạch năm	
	- Nhà máy thủy điện	N.máy	3,0	1	1	1	100,00	33,33	
	- Nhà máy gạch	N.máy	1,0	2	1	1	50,00	100,00	

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02 năm 2020			So sánh (%)		Ghi chú
				Thực hiện tháng 02/2019	Ước thực hiện tháng 02/2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 01 năm 2020/TH tháng 01 năm 2019	Ước TH tháng 01 năm 2020/KH 2020	
A	B	C	2		3	4	5=4/1	6=4/2	7
A	Giáo dục								
I	Tổng số học sinh đầu năm học	Cháu	17.415	16.975	17.426	17.426	102,66	100,1	
1	Hệ mầm non	Cháu	4.816	5.117	4.912	4.912	95,99	102	
	- Số cháu vào nhà trẻ	Cháu	821	794	823	823	103,65	100,2	
	- Số học sinh mẫu giáo	H/ sinh	3.995	4.323	4.089	4.089	94,59	102,4	
2	Hệ phổ thông	H/ sinh	12.497	11.786	12.426	12.426	105,43	99,4	
	T. đó: H/s các trường PT DTNT tỉnh, huyện	H/ sinh	250	248	248	248	100,00	99	
	- Chia theo bậc học	H/ sinh	0						
	+ Tiểu học	H/ sinh	6.898	6.674	6.933	6.933	103,88	100,5	
	+ Trung học cơ sở	H/ sinh	4.626	4.287	4.626	4.626	107,91	100	
	+ Trung học Phổ thông	H/ sinh	973	825	867	867	105,09	89,1	
3	Giáo dục thường xuyên	H/ sinh	102	72	88	88	122,22	86	
II	Tổng số học sinh là dân tộc thiểu số	H/ sinh	15.097	14.703	15.097	15.097	102,68	100	
	Chia ra:								
	+ Mầm non	H/ sinh	4.101	4.268	4.101	4.101	96,09	100	
	+ Tiểu học	H/ sinh	6.015	5.879	6.015	6.015	102,31	100	
	+ Trung học sơ sở	H/ sinh	4.230	3.890	4.230	4.230	108,74	100	
	+ Trung học phổ thông	H/ sinh	751	666	751	751	112,76	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02 năm 2020			So sánh (%)		Ghi chú
				Thực hiện tháng 02/2019	Ước thực hiện tháng 02/2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 01 năm 2020/TH tháng 01 năm 2019	Ước TH tháng 01 năm 2020/KH 2020	
III	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	99,6	99	99	99	100,00	99	
IV	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi								
	+ Tiểu học	%	99	98,8	98,8	98,8	100,00	99,8	
	+ Trung học sơ sở	%	98	98	98	98	100,00	100	
	+ Trung học phổ thông	%	97	97	97	97	100,00	100	
V	Hướng nghiệp dạy nghề cho h/sinh PT	H/sinh	267	166	166	166	100,00	62,2	
VI	Phổ cập giáo dục								
	- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS	Xã	14	14	14	14	100,00	100	
VII	Tổng số giáo viên	Người	1.155	1.140	1.128	1.128	98,95	97,7	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%	100	99,17	99,9	99,9	100,73	99,9	
	- Cấp mầm non	Người	344	353	341	341	96,60	99,1	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%	100	99,72	100	100	100,28	100	
	- Cấp Tiểu học	Người	485	481	463	463	96,26	95,5	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%	100	100	100	101	100,00	100	
	- Cấp THCS	Người	263	254	261	261	102,76	99,2	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%	100	100	100	100	100,00	100	
	- Cấp THPT	Người	53	42	53	53	126,19	100	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%	98,1	97,6	98,1	98,1	100,51	100	
	- TT GDTX	Người	10	10	10	10	100,00	100	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%	100	100	100	100	100,00	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02 năm 2020			So sánh (%)		Ghi chú
				Thực hiện tháng 02/2019	Ước thực hiện tháng 02/2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 01 năm 2020/TH tháng 01 năm 2019	Ước TH tháng 01 năm 2020/KH 2020	
VIII	Tổng số trường học	Trường	44	45	45	45	100,00	102,3	
	<i>Trong đó: + Trường phổ thông DTNT tỉnh, huyện</i>	Trường	1	1	1	1	100,00	100	
	- Trường mầm non	Trường	14	14	14	14	100,00	100	
	- Trường phổ thông tiểu học	Trường	13	15	14	14	93,33	107,7	
	- Trường phổ thông cơ sở (cấp 1; 2)	Trường	1				#DIV/0!		
	- Trường trung học cơ sở (cấp 2)	Trường	13	14	14	14	100,00	107,7	
	- Trường trung học phổ thông (cấp 3)	Trường	2	2	2	2	100,00	100	
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên	Trường	1	1	1	1	100,00	100	
IX	Số trường đạt chuẩn quốc gia (lũy kế)	Trường	20	21	21	21	100,00	105	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	50	45,7	50	50	109,52	100	
	<i>Trong đó: Công nhận mới</i>	Trường					#DIV/0!		
	- Cấp mầm non	Trường	46,2	35,7	43	43	120,40	93,1	
	- Cấp Tiểu học	Trường	75	80	80	80	100,00	106,7	
	- Cấp THCS	Trường	30,8	28,6	28,6	28,6	100,00	92,8	
	- Cấp THPT	Trường	50				#DIV/0!		
X	Tổng số phòng học	Phòng	798	749	798	798	106,54	100	
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%	99,87	95,4	95,4	95,4	100,00	95,5	
	+ Cấp mầm non	Phòng	231	204	231	231	113,24	100	
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%	100	93,9	93,9	93,9	100,00	93,9	
	+ Cấp Tiểu học	Phòng	369	356	369	369	103,65	100	
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%	99,7	93,6	93,6	93,6	100,00	93,9	
	+ Cấp THCS	Phòng	162	153	162	162	105,88	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 02 năm 2020			So sánh (%)		Ghi chú
				Thực hiện tháng 02/2019	Ước thực hiện tháng 02/2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 01 năm 2020/TH tháng 01 năm 2019	Ước TH tháng 01 năm 2020/KH 2020	
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%	100	99,2	99,2	99,2	100,00	99,2	
	+ Cấp THPT	Phòng	33	33	33	33	100,00	100	
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%	100	100	100	100	100,00	100	
	+ Các Trung tâm GDTX	Phòng	3	3	3	3	100,00	100	
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%	100	100	100	100	100,00	100	
XI	Tỷ lệ huy động						#DIV/0!		
	Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	99,6	100	99,6	99,6	100,10	100	
	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	99,6	100	99,6	99,6	99,60	100	
	Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	100	100	100	100	100,00	100	
	Tỷ lệ đi học chung ở cấp tiểu học	%	99	100	100	100	100,00	101	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	%	99,6	100	100	100	100,30	100,4	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6	%	98,4	98,4	98,4	98,4	100,00	100	
	Tỷ lệ đi học chung cấp THCS	%	93	92	93	93	100,87	100	
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	99,3	100	99,3	99,3	99,70	100	
	Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT	%	70	62	70	70	112,90	100	
	Tỷ lệ đi học chung cấp THPT (gồm cả TTGDTX)	%	30	29	30	30	102,39	100	
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	95,7	100	95,7	95,7	95,70	100	
XII	Tỷ lệ chuyên cần học sinh THCS	%	94	91	95	95	104,40	101,1	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm thực hiện	Tháng 02/2020					Ghi chú
				Năm trước	Năm báo cáo		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy kế	Năm trước	Kế hoạch năm	
1	Tổng số cán bộ		266	261	256	256	0,98	1,0	
	Trong đó:								
1.1	Bác sỹ		29	27	29	29	1,07	1	1 BS hợp đồng
	Số bác sỹ/vạn dân		5	4,8	5,0	5,0	1,04	1	
1.2	Dược sỹ đại học		3	2	3	3	1,50	1	
	Tỷ lệ dược sỹ đại học/vạn dân		0,5	0,35	0,5	0,5	1,43	1	
	Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (bao gồm bác sỹ làm việc định kỳ)		14	12	14	14	1,17	1	
2	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (bao gồm bác sỹ làm việc định kỳ)	%	100	85,71	100	100	1,17	1	
3	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%	7,14	7,14	7,14	7,14	1,0	1	
4	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi	%	100	100	100	92,9	1	1	
5	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	100	100,0	96,24	96,24	0,96	0,96	
III	Một số chỉ tiêu tổng hợp								
1	Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	trạm	14	13	14	14	1,08	1	
	Trong đó: Số được công nhận mới trong năm		0		-				
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	100	92,86	100	100	1,1	1	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm thực hiện	Tháng 02/2020					Ghi chú
				Năm trước	Năm báo cáo		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy kế	Năm trước	Kế hoạch năm	
2	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	28,0	19,0	16,4	12,4	0,9	0,59	
3	Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	45,30	38,1	16,4	16,6	0,4	0,36	
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	21,66	-	-	-			
5	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	≤80	0	-	-			
6	Tỷ lệ TE < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vacxin	%	95,0	6,4	7,5	7,5	1,17	0,08	
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai	%	74,00	73,13	71,31	73,03	0,98	1,0	
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ		69,04	68,66	75,41	79,25	1,10	1,1	
9	Tỷ suất mắc các bệnh xã hội								
	- Uốn ván	1/100.000		0					
	- Sốt rét	‰	1,03	-	0,0	0,0		0,0	
	- Lao	1/100.000	39,28	21,10	12,04	12,04	0,57	0,31	
	- HIV/ AIDS	%	0,41	0,4	0,41	1,41	1,03	1	
10	Số ca tử vong do mắc các bệnh xã hội/100.000 dân								
	- Uốn ván:	1/100.000	0,0	0	0	0			
	- HIV/ AIDS	1/100.000	0,00		0	0			
11	Số trẻ em dưới 15 tuổi mắc/chết các bệnh có vắc xin tiêm chủng								
	Số mắc	Người	0	0	0	0			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm thực hiện	Tháng 02/2020					Ghi chú
				Năm trước	Năm báo cáo		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy kế	Năm trước	Kế hoạch năm	
	Số chết	Người	0	0	0	0			
12	Số vụ, số người bị ngộ độc thực phẩm, số người chết do ngộ độc thực phẩm								
	Số vụ	Vụ	0	0	0	0			
	Số ca mắc	Ca	0	0	0	0			
	Số tử vong	Ca	0	0	0	0			
13	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95	92	95	95	1,0	1	
IV	Đào tạo								
1	Duy trì đào tạo								
-	Bác sỹ CKI ,II, thạc sỹ (sau đại học)	Người	6	3	6	6	2	1	
-	Đại học Y, dược, y tế cộng đồng	Người	12	9	10	10	1,1	0,83	
-	Đại học điều dưỡng	Người	2	6	6	6	1	3	
-	Trung cấp y tế	Người		0	0	0			
2	Đào tạo mới trong năm								
-	Đào tạo y tá thôn, bản	Người	9		0	1			
-	Bác sỹ CKI ,II, thạc sỹ (sau đại học)	Người	2	-	-	-			
-	Đại học Y, dược, y tế cộng đồng	Người	5	-	0	0			
-	Đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, đại học tại trường trung cấp y	Người		0	0	0			
-	Trung cấp y tế	Người							

CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - THÔNG TIN; DU LỊCH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020	THỰC HIỆN THÁNG 02		Lũy kế 02 tháng đầu năm 2020	SO SÁNH (%)		Ghi chú
				Năm 2019	Năm 2020		Ước TH Tháng 2 2020/tháng 2/2019	Ước TH Tháng 2/2020/KH năm 2020	
A	VĂN HÓA - THÔNG TIN								
I	Mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động								
1	Điện ảnh								
	- Tổng số buổi hoạt động nhà nước tài trợ	Buổi	40	4	2	7	50	5	Do vào tết Nguyên đán và dịch bệnh nên không tổ chức
	Trong đó: + Số buổi chiếu vùng III	Buổi	40	4	2	7	50	5	
	+ Số buổi chiếu phục vụ chính trị	Buổi							
	- Số lượt người xem chiếu bóng trong năm	1000 lượt	4,85	0,550	0,2	0,7	36	4,1	
2	Nghệ thuật biểu diễn								
	- Số đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp	Đơn vị							
	- Số buổi biểu diễn	Buổi	8					0	
	Trong đó: Biểu diễn phục vụ vùng cao	Buổi	8					0	
3	Văn hoá thông tin cơ sở								
	- Tổng số đội thông tin lưu động	Đội	1	1	1	1	100	100	Do vào tết Nguyên đán và dịch bệnh nên không tổ chức
	- Số buổi hoạt động	Buổi	85	6	2	6	33	2,35	
	Trong đó: - Đội TTLĐ tỉnh	Buổi	9						
	- Các huyện, thị	Buổi	76	6	2	6	33	2,6	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020	Năm 2019	Năm 2020	Lũy kê 02 tháng đầu năm 2020	Ước TH Tháng 2 2020/tháng 2/2019	Ước TH Tháng 2/2020/KH năm 2020	Ghi chú
A	VĂN HÓA - THÔNG TIN								
	Số bản trong toàn huyện	bản	133	156	133	133	85	100	
	- Số bản, làng đăng ký tiêu chuẩn VH trong năm	Bản, làng	123	148	123	123	83	100	
	Trong đó: Số bản, làng được công nhận trong năm	Bản, làng	107	116	111	111	96	103,7	
	- Tỷ lệ số thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	80,5	74,4	83,4	83,4	112	103,6	
	- Số hộ đăng ký tiêu chuẩn gia đình VH mới	Hộ	11.245	10.779	11.245	11.245	104	100	
	Trong đó: Số hộ được công nhận	Hộ	10.626	9.588	10.036	10.036	105	94,4	
	- Tỷ lệ hộ, gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	87,5	83,9	84,5	84,5	101	96,6	
	- Số cơ quan, đơn vị, trường học đăng ký tiêu chuẩn VH trong năm	Cơ quan, đơn vị	129	130	129	129	99	100	
	Trong đó: Số cơ quan, đơn vị, trường học được công nhận trong năm	Cơ quan, đơn vị	129	124	125	125	101	96,9	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	100	95,4	96,9	96,9	102	96,9	
4	Thư viện								
	- Số sách mới	Bản	40	6	4	9	67	10	
	Trong đó: + Thư viện tỉnh	Bản							
	+ Thư viện huyện, thành phố	Bản	40	6	4	9	67	10	
	- Tổng số sách có trong thư viện	Bản	10.729	10.661	10.703	10.703	100	99,8	
	Trong đó: + Thư viện tỉnh	Bản							
	+ Thư viện huyện, thành phố	Bản	10.729	10.661	10.703	10.703	100	99,8	
	- Tổng số lượt người đọc trong năm	Lượt							

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020	Năm 2019	Năm 2020	Lũy kê 02 tháng đầu năm 2020	Ước TH Tháng 2 2020/tháng 2/2019	Ước TH Tháng 2/2020/KH năm 2020	Ghi chú
A	VĂN HÓA - THÔNG TIN								
5	Bảo tồn, bảo tàng								
	- Số hiện vật có đến cuối năm	Hiện vật							
	Trong đó: Suu tầm mới	Hiện vật							
	- Số di tích đã được xếp hạng	Di tích	6	5	5	5	100	83,3	
6	Số xã, phường có nhà văn hóa, thư viện	Xã, P, TT	14	14	14	14	100	100	
II	Cơ sở vật chất cho hoạt động VH TT								
1	Số đội chiếu bóng vùng cao	Đội	1	1	1	1	100	100	
2	Số nhà văn hoá trên địa bàn	Nhà	152	129	147	147	114	96,7	
	Trong đó: + Tỉnh quản lý	Nhà							
	+ Huyện, thành phố quản lý	Nhà	1	1	1	1	100	100	
	+ Xã, phường quản lý	Nhà	14	14	14	14	100	100	
	+ Thôn, bản	Nhà	137	114	132	132	116	96,4	
B	THỂ DỤC - THỂ THAO								
1	Số người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên	Người	14.012	13.481	13.790	13.790	102	98,4	
	- Tỷ lệ so với dân số	%	24,6	24,1	24,2	24,2	100	98,3	
2	Số gia đình được công nhận là gia đình thể thao	Gia đình	1.929	1.629	1.678	1.678	103	87,0	
3	Số câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	CLB	68	66	67	67	102	98,5	
4	Cơ sở thi đấu TDTT đúng tiêu chuẩn		10	10	10	10	100	100	
	- Sân vận động	Sân	1	1	1	1	100	100	
	- Nhà luyện tập thể thao	Nhà	9	9	9	9	100	100	

Biểu số 4

**CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN VỀ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI - DU LỊCH - XUẤT NHẬP KHẨU**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 2/ 2019	Năm 2020			So sánh		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện tháng 2/2020	Lũy kế 2 tháng đầu năm	Ước TH tháng 2/2020/TH tháng 2 năm 2019	Ước thực hiện tháng 2/2020/cả năm 2020	
A	B	C							
A	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ								
1	Giá trị sản xuất thương mại	Tr. đồng	19.884	257.500	22.102,1	22.102	111,15	8,6	
	Trong đó:								
	- Thương mại (bán lẻ hàng hóa)	Tr. đồng	18.485	228.248	19.020,7	37.599	102,90	8,3	
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tr. đồng	1.399	36.977	3.081,4	6.075	220,26	8,3	
	- Công trình chợ	C.Trình	3	3	3	3	100,00	100,0	
	- Nhà máy thủy điện	N.máy	1	3	1	1	100,00	33,3	Nhà máy thủy điện Chu Va 12
	- Nhà máy gạch	N.máy	2	1	1	1	50,00	100,0	Nhà máy gạch Tuylen và HTX sản xuất gạch không nung Tam Đường
B	DU LỊCH								
1	Mạng lưới khách sạn								
	- Số Khách sạn	Cái	3	3	3	3	100%	100%	
	Trong đó: KS 3 sao trở lên	Cái							
	- Số phòng khách sạn	Phòng	131	131	131	131	100%	100%	
	Công suất sử dụng phòng	%	61	62	61	61	100%	98%	
	Nhà hàng	Cái	16	16	16	16	100%	100%	
2	Tổng lượt khách du lịch	lượt người	34.445	300.000	22.808	42.070	66%	8%	
	Trong đó:								
	+ Khách quốc tế	Lượt người	240	10.000	570	1.350	238%	6%	

	- Ngày lưu trú/ khách quốc tế	Ngày	1,0	1	1,0	1	100%	100%	
	- Mức chi tiêu trong ngày/khách quốc tế	Triệu đồng	1,0	1	1,0	1	100%	100%	
	+ Khách nội địa	Lượt người	34.205	290.000	22.238	40.720	65%	8%	
	- Ngày lưu trú/ khách nội địa	Ngày	0,60	0,6	0,60	0,6	100%	100%	
	- Mức chi tiêu trong ngày/khách nội địa	Triệu đồng	0,60	0,6	0,60	0,6	100%	100%	
3	Doanh thu ngành du lịch	<i>Tỷ đồng</i>	13,600	114,4	8,580	16,010	63%	8%	
	Trong đó: Doanh thu từ ngành du lịch	<i>Tỷ đồng</i>	13,600	114,4	8,580	16,010	63%	8%	
	+ Khách quốc tế	<i>Tỷ đồng</i>	0,240	10,0	0,570	1,350	238%	6%	
	+ Khách nội địa	<i>Tỷ đồng</i>	12,300	104,4	8,010	14,660	65%	8%	